

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2021/DS-PT

Ngày: 01/4/2021

V/v “Tranh chấp hợp đồng
chuyển nhượng quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Nguyên Khoa.

Các Thẩm phán: Ông Cao Văn Lạc
Bà Phạm Thị Hồng Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tô Thị Út – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Bà Trần Ngọc Bích -
Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 01 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2021/TLPT-DS, ngày 18 tháng 01 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 134/2020/DS-ST, ngày 01 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 30/2021/QĐ-PT ngày 05 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **L**, sinh năm 1964 (có mặt)

Địa chỉ: Khóm 1, Phường B, thành phố L, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Anh **T**, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm 4, thị trấn H, huyện H, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn:

Ông **K**, sinh năm 1957 (có mặt)

Địa chỉ: Số 337, khóm H, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. (Theo văn bản ủy quyền ngày 13/02/2020).

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông **Th**, sinh năm 1966 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Tạm trú: Khóm M, Phường B, thành phố L, tỉnh Vĩnh Long.

3.2. Chị **A**, sinh năm 1981 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm 4, thị trấn H, huyện H, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của chị A: Ông **K**

(Theo văn bản ủy quyền ngày 13/02/2020).

3.3. Bà **C**, sinh năm 1927 (vắng mặt)

3.4. Chị **T**, sinh năm 1975 (vắng mặt)

3.5. Chị **Đ** (vắng mặt)

3.6. Anh **Sơn** (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Khóm M, Phường B, thành phố L, tỉnh Vĩnh Long.

3.7. Anh **C**, sinh Năm 1976 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp N, xã H, huyện H, tỉnh Vĩnh Long.

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Th.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nguyên đơn bà L trình bày:

Năm 2017, do cần tiền để làm ăn nên bà L vay của ông T số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng, khi vay giữa bà L và ông T đã ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa đất 31, tờ bản đồ số 01, diện tích 758,8m² tọa lạc Khóm M, Phường B, thành phố L, tỉnh Vĩnh Long. Để làm tin, ông T có ký cam kết ngày 30/9/2017 với bà thỏa thuận hết thời hạn 06 tháng thì không cần gia hạn mà chỉ cần làm lại hợp đồng chuyển nhượng mới. Sau khi vay bà L vẫn đóng lãi cho ông T nhưng đến ngày 31/8/2018, ông Th đến cải tạo thửa đất 31 thì bà mới biết ông T đã chuyển thửa đất này sang tên của ông T, đồng thời ông T chuyển nhượng lại cho ông Th và hiện ông Th đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngoài ra, bà có tiếp tục vay thêm của ông T hai lần mỗi lần 50.000.000đ.

Nay bà khởi kiện yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng lập ngày 30/9/2017 giữa bà và ông T và hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 31/8/2018 giữa ông T và ông Th. Bà L trả lại ông T số tiền đã vay là 100.000.000đ và hai lần vay sau mỗi lần 50.000.000đ, tổng cộng là 200.000.000đ.

- Theo đơn phản tố của bị đơn T trình bày:

Ngày 30/9/2017, ông T và bà L có thỏa thuận lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa số 31, tờ bản đồ 01, diện tích 758,8m², tọa lạc Khóm M, Phường B, thành phố L với giá thỏa thuận 200.000.000đ, ông đưa trước cho bà L 100.000.000đ, sau đó đưa thêm 02 lần mỗi lần 50.000.000đ vào ngày 07/12/2017 và

ngày 04/4/2018 có ông Ch làm chứng, bà L đã giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông. Đến tháng 5/2018, khi làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất thì được biết tài sản này bị Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố L phong tỏa, ngăn chặn không cho chuyển nhượng.

Đến tháng 8/2018, ông liên hệ với Chi cục Thi hành án thì được biết phải nộp đủ tiền án phí thi hành án thì mới được sang tên, nên ông đã nộp tiền án phí hai khoản là 30.853.000đ và số tiền bà L phải thi hành án cho ông N là 165.795.000đ. Ông có yêu cầu phản tố là bác yêu cầu khởi kiện của bà L và buộc bà L phải trả lại ông số tiền đã nộp để thi hành án 196.648.000 đồng.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Th trình bày:

Ông Th nhận chuyển nhượng thửa đất 31, tờ bản đồ 01, diện tích 758,8m², tọa lạc Khóm M, Phường B, thành phố L, do ông T đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hiện tại ông đã làm thủ tục sang tên theo đúng quy định pháp luật. Khi nhận chuyển nhượng đất này thì ranh giới đã có sẵn, ông có xây tường rào cao 4-5 mét để quản lý nhưng bà L tranh chấp nên ông chưa kéo lưới bao quanh đất.

Hiện trạng trên đất có bà C di ruột bà L ở và ông cũng có biết việc này, tuy nhiên giữa ông và bà C có làm văn bản là ông cho bà C ở nhờ trên đất đến hết đời có xác nhận của Ủy ban nhân dân Phường B, thành phố L. Ngoài ra còn có căn nhà tạm của anh S là con của bà C và ông cũng đã đưa anh S 10.000.000đ xem như mua căn nhà của anh S. Đối với tranh chấp giữa bà L và ông T thì ông không có yêu cầu độc lập, ông chờ khi nào Tòa án giải quyết xong thì giữa ông và ông T sẽ giải quyết với nhau.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị T trình bày:

Chị là vợ của anh S, chị và anh S hiện đang sinh sống tại căn nhà trên thửa đất tranh chấp khoảng 10 năm nay, việc mua bán đất giữa các bên thì chị không biết. Trước đây anh S có mượn tiền của ông Th, sau này được biết ông Th mua đất này và nói là sẽ cho anh S số tiền đã mượn luôn. Đối với tranh chấp giữa các bên chị không có ý kiến gì, nếu cho gia đình chị ở thì chị tiếp tục ở, nếu kêu đi thì chị sẽ di dời đi.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Ch trình bày:

Năm 2017, ông có giúp cho bà L bán phần đất ở Phường B, thành phố L, đồng thời ông có nhận được tiền hoa hồng, còn sự việc các bên mua bán đất đến nay ông không được rõ, ông không có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án này. Vì công việc cá nhân nên ông xin được vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm.

- Tại phiên tòa sơ thẩm:

Bà L yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng giữa bà và ông T và buộc ông T trả lại đất cho bà. Đồng thời, bà trả cho ông T số tiền 200.000.000đ và trả lãi theo quy định pháp luật từ ngày 18/11/2019 đến ngày tòa xét xử sơ thẩm. Đối với hợp đồng chuyển nhượng đất giữa T và ông Th thì tự giải quyết với nhau. Bà đồng ý trả số tiền

mà ông T đã nộp Thi hành án thay bà nhưng bà nộp trả cho Cơ quan Thi hành án và không đồng ý trả trực tiếp cho ông T.

Ông K đại diện của bị đơn thay đổi yêu cầu phản tố và chỉ yêu cầu bà L trả cho ông T số tiền đã nộp cơ quan thi hành án thay bà L là 82.655.000đ và tính lãi 1%/tháng từ ngày 17/8/2018 (ngày ông T nộp cho cơ quan Thi hành án) đến ngày xét xử là 27 tháng 13 ngày bằng số tiền: $(82.650.000đ \times 1\%/tháng \times 27 \text{ tháng } 13 \text{ ngày}) = 22.675.021$ đồng. Các yêu cầu khác thì xin rút.

- *Tại bản án dân sự sơ thẩm số 134/2020/DS-ST ngày 01 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Vĩnh Long đã tuyên xử:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn L.

+ Vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 30/9/2017 giữa bà L với ông T và vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 03/10/2018 giữa ông T với ông Th đối với thửa đất 31, tờ bản đồ số 1, diện tích 758,8m² tọa lạc Khóm M, Phường B, thành phố L. Bà L được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật đối với thửa đất này.

+ Buộc bà L có nghĩa vụ trả ông T số tiền vay vốn 200.000.000đ và lãi suất 50.353.333đ. tổng cộng là 250.353.333đ (hai trăm năm mươi triệu, ba trăm năm mươi ba ngàn, ba trăm ba mươi ba đồng).

+ Buộc bà L có nghĩa vụ trả ông T số tiền đã nộp thi hành án 82.655.000đ (tám mươi hai triệu, sáu trăm năm mươi lăm ngàn đồng).

+ Đình chỉ yêu cầu xử phạt vi phạm hành chính đối với bà L về hành vi tự ý tạo làm giả chứng cứ và số tiền phải nộp thi hành án 114.093.000đ của ông T.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu phí sơ thẩm; chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; quyền yêu cầu và nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 10/12/202, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Th kháng cáo và ngày 11/12/2020 bị đơn T kháng cáo cùng có yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết theo hướng hủy bản án sơ thẩm do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, gây thiệt hại đến quyền và lợi ích của ông T và ông Th.

- *Tại phiên tòa phúc thẩm:* Các đương sự không có cung cấp tài liệu, chứng cứ mới và không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

+ Ông K đại diện bị đơn ông T trình bày kháng cáo:

Về nội dung: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được ký kết ngày 30/9/2017 giữa bà L và ông T đối với phần đất tại thửa số 31, tờ bản đồ số 1, diện tích 758,8m² tọa lạc Khóm M, Phường B, thành phố L là hợp pháp và ông T đã được Ủy ban nhân dân thành phố L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày

31/8/2018. Sau đó, ông T chuyển nhượng phần đất này cho ông Th và được Ủy ban nhân dân thành phố L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 17/10/2018.

Về thủ tục: Tòa án cấp sơ thẩm không đưa Văn phòng công chứng P, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long, Ngân hàng nhận thế chấp quyền sử dụng đất của bà L tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, gây thiệt hại đến quyền và lợi ích của bị đơn nên yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết theo hướng hủy bản án sơ thẩm và giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo đúng quy định của pháp luật.

+ *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Th trình bày kháng cáo:*

Thông nhất với nội dung kháng cáo của đại diện bị đơn trình bày và yêu cầu đưa Văn phòng công chứng P, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long, Ngân hàng nhận thế chấp quyền sử dụng đất của bà L phải có mặt tại phiên tòa để làm rõ nội dung sự việc. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết hủy bản án sơ thẩm và giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo đúng quy định của pháp luật.

+ *Nguyên đơn bà L trình bày:*

Không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của phía bị đơn T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Th. Thông nhất với quyết định Bản án cấp sơ thẩm đã tuyên.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long:

+ Về tính hợp pháp của kháng cáo: bị đơn T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Th kháng cáo trong thời hạn luật định và nộp tiền tạm ứng án phí nên Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết là đúng quy định tại các Điều 273, 276, 285 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã thực hiện đầy đủ theo đúng thủ tục của pháp luật tố tụng dân sự quy định.

+ Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Th và giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 134/2020/DS-ST, ngày 01/12/2020 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Vĩnh Long. Đương sự kháng cáo phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật do giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan kháng cáo trong thời hạn luật định và nộp tiền tạm ứng án phí nên Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết là đúng quy định tại các Điều 273, 276, 285 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt thì Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét nội dung kháng cáo:

- Xét kháng cáo của bị đơn T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Th yêu cầu xem xét lại Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 30/9/2017 giữa bà L và ông T đối với phần đất tại thửa số 31, tờ bản đồ số 1, diện tích 758,8m² tọa lạc Khóm M, Phường B, thành phố L là hợp pháp và ông T đã được Ủy ban nhân dân thành phố L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 31/8/2018. Sau đó, ông T chuyển nhượng phần đất này cho ông Th và được Ủy ban nhân dân thành phố L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 17/10/2018.

Theo Tờ cam kết đề ngày 30/9/2017 có chữ ký của bà L và ông T thể hiện nội dung: "... ông T cho bà L mượn số tiền 100.000.000 đồng trong hợp đồng chuyển nhượng phần đất diện tích 758,8m², qua 06 tháng hai bên sẽ không cần đáo hạn lại số tiền nói trên và chỉ làm lại hợp đồng mới...". Như vậy, việc ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 30/9/2017 giữa bà L và ông T đối với phần đất diện tích 758,8m², thửa số 31, tờ bản đồ số 1, tại Khóm M, Phường B, thành phố L là giả tạo nhằm che giấu giao dịch vay tiền tại Tờ cam kết đề ngày 30/9/2017 thì Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 30/9/2017 vô hiệu và Hợp đồng vay tiền theo Tờ cam kết đề ngày 30/9/2017 vẫn có hiệu lực được quy định tại Điều 124 của Bộ luật dân sự năm 2015. Hơn nữa, chữ ký của ông T trong Tờ cam kết đề ngày 30/9/2017 đã được Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh giám định là do cùng một người ký ra.

Ngoài các tài liệu, chứng cứ thu thập tại Tòa án cấp sơ thẩm thì phía bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa cung cấp tài liệu, chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu của mình là có cơ sở, đồng thời phía bị đơn không thừa nhận. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử vô hiệu Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được ký kết ngày 30/9/2017 giữa bà L và ông T nên dẫn đến vô hiệu Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được ký kết ngày 03/10/2018 giữa ông T với ông Th và giải quyết đối với hợp đồng vay giữa ông T với bà L là phù hợp luật định.

- Xét kháng cáo của bị đơn T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Th yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết theo hướng hủy bản án sơ thẩm với lý do Tòa án cấp sơ thẩm không đưa Văn phòng công chứng P, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long, Ngân hàng nhận thế chấp quyền sử dụng đất của bà L vào tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Xét thấy, việc giải quyết vụ án này thì Văn phòng công chứng P, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long, Ngân hàng nhận thế chấp quyền sử dụng đất của bà L không có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ, nên Tòa án cấp sơ thẩm không đưa vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Từ những nhận định trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Th. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 134/2020/DS-ST, ngày 01/12/2020 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Vĩnh Long theo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm nên bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan kháng cáo phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Th.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 134/2020/DS-ST, ngày 01/12/2020 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ vào các Điều 124, 131, 166, 357, 466, 468, 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 147, 148, 157, 217, 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 26, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn L.

1.1. Vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 30/9/2017 giữa bà L với ông T và vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 03/10/2018 giữa ông T và ông Th đối với thửa đất 31, tờ bản đồ số 1, diện tích 758,8m² tọa lạc Khóm M, Phường B, thành phố L.

Bà L được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật đối với thửa đất này.

1.2. Buộc bà L có nghĩa vụ trả ông T số tiền vay vốn 200.000.000đ và lãi suất 50.353.333đ. Tổng cộng là 250.353.333đ (hai trăm năm mươi triệu, ba trăm năm mươi ba ngàn, ba trăm ba mươi ba đồng).

1.3. Buộc bà L có nghĩa vụ trả ông T số tiền đã nộp thi hành án là 82.655.000đ (tám mươi hai triệu, sáu trăm năm mươi lăm ngàn đồng).

2. Về chi phí xem xét, thẩm tại chỗ: Ông T phải chịu 500.000đ. Bà L đã nộp tạm ứng trước, nên buộc ông T có trách nhiệm hoàn trả lại cho bà L 500.000đ (năm trăm ngàn đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Bà L phải chịu án phí sơ thẩm là 16.650.000đ (mười sáu triệu sáu trăm năm mươi ngàn đồng), khấu trừ số tiền đã nộp tạm ứng án phí 2.800.000đ (hai triệu tám trăm ngàn đồng) theo lai thu số 0005141 ngày 02/01/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L. Bà L phải nộp tiếp số tiền là 13.850.000đ (mười ba triệu tám trăm năm mươi ngàn đồng).

3.2. Ông T phải chịu án phí 1.133.000đ (một triệu một trăm ba mươi ba ngàn đồng), khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 4.918.000đ (bốn triệu chín trăm mười tám ngàn đồng) theo lai thu số 0005248 ngày 25/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L. Hoàn trả lại cho ông T 3.785.000đ (ba triệu bảy trăm tám mươi lăm ngàn đồng).

4. Về án phí dân sự phúc thẩm:

4.1. Ông T phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo lai thu số 0005912 ngày 11/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, nên không phải nộp thêm.

4.2. Ông Th phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo lai thu số 0005910 ngày 10/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, nên không phải nộp thêm.

5. Đình chỉ yêu cầu xử phạt vi phạm hành chính đối với bà L về hành vi nguy tạo làm giả chứng cứ và số tiền phải nộp thi hành án 114.093.000đ của ông T.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu người phải thi hành án chưa thi hành số tiền trên thì phải chịu trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TPHCM;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- CA TAND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND TP L;
- CC THADS TP L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lê Nguyên Khoa